

Thành phố Thủ Đức, ngày 03 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 40/2021/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 về “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Đinh Ngọc T, sinh năm: 1981;

Địa chỉ thường trú: Kha Vạn Cân, khu phố A, phường B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Anh Trần Đình Hoài, sinh năm: 1974;

Địa chỉ thường trú: Kha Vạn Cân, khu phố A, phường B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa chị Đinh Ngọc T và anh Trần Đình H là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 36; ngày 10/4/2017 của Ủy ban nhân dân phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh;

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 04/01/2021 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23/02/2021, chị Đinh Ngọc T và anh Trần Đình H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, về con chung: chị Đinh Ngọc T là người trực tiếp

nuôi dưỡng trẻ Trần Đình Đ. H, sinh ngày: 29/6/2017, anh Trần Đình H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 (Năm triệu) đồng cho đến khi con đủ thành niên; về tài sản chung: các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, về nợ chung: các bên xác định không có trong thời kỳ hôn nhân.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, chị Đinh Ngọc T và anh Trần Đình H thật sự tự nguyện ly hôn; về tài sản chung: các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, về nợ chung: không có; việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Ngọc T và anh Trần Đình H thuận tình ly hôn;

(Giấy chứng nhận kết hôn số: 36; ngày 10/4/2017 của Ủy ban nhân dân phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý).

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên là Trần Đình Đ. H, sinh ngày: 29/6/2017 cho chị Đinh Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, anh Trần Đình H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 (Năm triệu) đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi; bắt đầu thi hành từ tháng 03/2021;

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ; người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng, nếu bị đơn chưa thi hành, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền cấp dưỡng chậm thực hiện tương ứng với thời gian chậm thực hiện theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này;

Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do chị Đinh Ngọc T và anh Trần Đình H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà chị Đinh Ngọc T và anh Trần Đình H đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0058631 ngày 28/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- VKSND Thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS Thành phố Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Thúy Nga